

**PHỤ LỤC 01**

**PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ VÀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-STNMT, ngày tháng 10 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
			Văn phòng Sở	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Trung tâm quan trắc TN&MT
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>II</b>	<b>Thu sự nghiệp</b>				
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI</b>	<b>1.834.000.000</b>	<b>1.373.070.000</b>	<b>413.685.000</b>	<b>47.245.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi Quản lý hành chính (L340-K341)</b>	<b>1.373.070.000</b>	<b>1.373.070.000</b>	-	-
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.095.317.000	1.095.317.000		
-	Thực hiện chính sách tiền lương	1.095.317.000	1.095.317.000		
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	277.753.000	277.753.000		
-	Chế độ tiền thưởng	277.753.000	277.753.000		
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế (L280-K332)</b>	<b>413.685.000</b>	-	<b>413.685.000</b>	-
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			356.683.000	
-	Thực hiện chính sách tiền lương (*)	356.683.000		356.683.000	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	57.002.000		57.002.000	
-	Chế độ tiền thưởng	57.002.000		57.002.000	
<b>III</b>	<b>Điều tra, quan trắc và phân tích môi trường (L250-K251)</b>	<b>47.245.000</b>	-	-	<b>47.245.000</b>
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
-	Thực hiện chính sách tiền lương (**)	-			
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	47.245.000			47.245.000
-	Chế độ tiền thưởng	47.245.000			47.245.000
	<b>Mã số đơn vị sử dụng ngân sách</b>	<b>1046283</b>	<b>1023959</b>	<b>1091419</b>	<b>1109462</b>
	<b>Mã số KBNN nơi giao dịch</b>	<b>3061</b>	<b>3061</b>	<b>3061</b>	<b>3061</b>

Ghi chú:

(\*) Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương của Trung tâm Phát triển quỹ đất bao gồm: (1) Nhu cầu tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (tính đủ 12 tháng) là 217.748.000 đồng; (2) Nhu cầu tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 73/2024 (tính 6 tháng) là 189.652.000 đồng; (3) Chưa bao gồm 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 để thực hiện CCTL năm 2024 (4) Nguồn thực hiện CCTL năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024 trên Bảng cân đối tài khoản 468 của đơn vị tại thời điểm 31/12/2023 là 50.717.826 đồng

(\*\*) Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương của Trung tâm quan trắc TN&MT bao gồm: (1) Nhu cầu tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (tính đủ 12 tháng) là 180.852.000 đồng; (2) Nhu cầu tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 73/2024 (tính 6 tháng) là 157.517.000 đồng; (3) Chưa bao gồm 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 để thực hiện CCTL năm 2024; (4) Nguồn thực hiện CCTL năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024 trên Bảng cân đối tài khoản 468 của đơn vị tại thời điểm 31/12/2023 là 383.159.901 đồng.

**PHỤ LỤC 02**

**PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ VÀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP**

**Đơn vị: Văn phòng Sở**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-STNMT, ngày tháng 10 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	NỘI DUNG	Tổng số
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>II</b>	<b>Thu sự nghiệp</b>	
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI</b>	<b>1.373.070.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi Quản lý hành chính (L340-K341)</b>	<b>1.373.070.000</b>
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.095.317.000
-	Thực hiện chính sách tiền lương	1.095.317.000
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	277.753.000
-	Chế độ tiền thưởng	277.753.000
	<b>Mã số đơn vị sử dụng ngân sách</b>	<b>1023959</b>
	<b>Mã số KBNN nơi giao dịch</b>	<b>3061</b>

**PHỤ LỤC 02**

**PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ VÀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP**

**Đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-STNMT, ngày tháng 10 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	NỘI DUNG	Tổng số
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>II</b>	<b>Thu sự nghiệp</b>	
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI</b>	
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế (L280-K332)</b>	<b>413.685.000</b>
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	356.683.000
-	Thực hiện chính sách tiền lương (*)	356.683.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	57.002.000
-	Chế độ tiền thưởng	57.002.000
	<b>Mã số đơn vị sử dụng ngân sách</b>	<b>1023959</b>
	<b>Mã số KBNN nơi giao dịch</b>	<b>3061</b>

Ghi chú:

(\*) Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương của Trung tâm Phát triển quỹ đất bao gồm: (1) Nhu cầu tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP (tính đủ 12 tháng) là 217.748.000 đồng; (2) Nhu cầu tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 73/2024 (tính 6 tháng) là 189.652.000 đồng; (3) Chưa bao gồm 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 để thực hiện CCTL năm 2024 (4) Nguồn thực hiện CCTL năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024 trên Bảng cân đối tài khoản 468 của đơn vị tại thời điểm 31/12/2023 là 50.717.826 đồng

**PHỤ LỤC 02**

**PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ VÀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/ND-CP**

**Đơn vị: Trung tâm quan trắc TN&MT**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-STNMT, ngày tháng 10 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	NỘI DUNG	Tổng số
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>II</b>	<b>Thu sự nghiệp</b>	
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI</b>	
<b>I</b>	<b>Điều tra, quan trắc và phân tích môi trường (L250-K251)</b>	<b>47.245.000</b>
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
-	Thực hiện chính sách tiền lương (**)	-
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	47.245.000
-	Chế độ tiền thưởng	47.245.000
	<b>Mã số đơn vị sử dụng ngân sách</b>	<b>1023959</b>
	<b>Mã số KBNN nơi giao dịch</b>	<b>3061</b>

Ghi chú:

(\*\*) Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương của Trung tâm quan trắc TN&MT bao gồm: (1) Nhu cầu tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 24/2023/ND-CP (tính đủ 12 tháng) là 180.852.000 đồng; (2) Nhu cầu tăng thêm để thực hiện CCTL theo Nghị định số 73/2024 (tính 6 tháng) là 157.517.000 đồng; (3) Chưa bao gồm 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 để thực hiện CCTL năm 2024; (4) Nguồn thực hiện CCTL năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024 trên Bảng cân đối tài khoản 468 của đơn vị tại thời điểm 31/12/2023 là 383.159.901 đồng.